

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC: 2016- 2017

Môn: Tiếng Việt - Lớp: 4

(Thời gian làm bài 40 phút)

I. Bài kiểm tra đọc:

1. Đọc thành tiếng (1 điểm):

- Học sinh đọc và trả lời câu hỏi về nội dung bài tập đọc SGK.
- Hình thức kiểm tra: GV làm phiếu ghi tên từng bài tập đọc, học thuộc lòng đã học cho học sinh bốc thăm chọn bài, HS đọc bài và trả lời câu hỏi theo sự hướng dẫn của giáo viên.
- Đọc các bài tập đọc, học thuộc lòng sau:

STT	Tên các bài tập đọc
1	Dế Mèn bênh vực kẻ yếu(Trang 4 SGK)
2	Thư thăm bạn (Trang 25 SGK)
3	Người ăn xin (Trang 30 SGK)
4	Một người chính trực(Trang 36 SGK)
5	Những hạt thóc giống (Trang 46 SGK)
6	Nỗi dẫn vật của An- đrây - ca (Trang 55 SGK)
7	Chị em tôi (Trang 59 SGK)
8	Trung thu độc lập (Trang 66 SGK)
9	Ổ Vương quốc Tương Lai (Trang 70 SGK)
10	Đôi giày ba ta màu xanh (Trang 81 SGK)
11	Thưa chuyện với mẹ (Trang 85 SGK)
12	Điều ước của vua Mi- đát (Trang 90 SGK)
13	Mẹ ốm (Trang 9 SGK)
14	Truyện cổ nước mình (Trang 19 SGK)
15	Tre Việt Nam(Trang 41 SGK)
16	Gà Trống và Cáo (Trang 50 SGK)
17	Nêu chúng mình có phép lạ (Trang 76 SGK)

2. Đọc hiểu- luyện từ và câu (4 điểm):

A. Đọc thầm bài: Quê hương (**SGK -Tr.100**)

B. Dựa vào nội dung bài đọc, chọn câu trả lời đúng

1) Tên vùng quê được tả trong bài văn là gì?

- a. Ba Thê
- b. Hòn Đất
- c. Không có tên

2) Quê hương chị Sứ là:

- a. Thành phố

- b. Vùng núi
- c. Vùng biển

3) Những từ ngữ nào giúp em trả lời đúng câu hỏi 2?

- a. Các mái nhà chen chúc
- b. Núi Ba Thê vôi vọi xanh lam
- c. Sóng biển, cửa biển, xóm lưới, làng biển, lưới.

4) Những từ ngữ nào cho thấy núi Ba thê là một ngọn núi cao?

- a. Xanh lam
- b. Vôi vọi
- c. Hiện trắng những cánh cò

5) Tiếng **yêu** gồm những bộ phận cấu tạo nào?

- a. Chỉ có vần
- b. Chỉ có vần và thanh
- c. Chỉ có âm đầu và vần

6) Bài văn trên có 8 từ láy, theo em tập hợp nào dưới đây thống kê đủ 8 từ láy đó?

- a. Oa oa, da dẻ, vôi vọi, nghiêng nghiêng, chen chúc, phát phơ, trùi trùi, tròn trịa.
- b. Vôi vọi, nghiêng nghiêng, phát phơ, vàng óng, sáng loà, trùi trùi, tròn trịa, xanh lam.
- c. Oa oa, da dẻ, vôi vọi, chen chúc, phát phơ, trùi trùi, tròn trịa, nhà sàn.

7) Nghĩa của từ “**tiên**” trong “**đầu tiên**” khác nghĩa với từ “**tiên**” nào dưới đây?

- a. Tiên tiến
- b. Trước tiên
- c. Thần tiên

8) Bài văn có mấy danh từ riêng

- a. Một từ đó là từ nào?
- b. Hai từ đó là những từ nào?
- c. Ba từ đó là những từ nào?

II. Bài Kiểm tra viết (chính tả - tập làm văn) (5 điểm)

1. Chính tả (2 điểm):

Nghe- viết: Chiều trên quê hương (SGK - Tr.102)

2. Tập làm văn (3 điểm)

Viết một bức thư ngắn (khoảng 10 dòng) cho bạn hoặc người thân nói về ước mơ của em.

TRƯỜNG TIỂU HỌC HƯƠNG CÀN

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2016- 2017 Môn: Tiếng Việt - Lớp: 4

I. Bài kiểm tra đọc (5 điểm):

1. Đọc thành tiếng (1 điểm):

- Học sinh đọc đúng diễn cảm đảm bảo tốc độ 75 tiếng/ phút, Trả lời đúng câu hỏi (1 điểm)

2. Đọc hiểu - luyện từ và câu (4 điểm):

câu 1: (0,5 điểm) ý b (**Hòn** Đất.)

Câu 2: (0,5 điểm) ý c (Vùng biển.)

Câu 3: (0,5 điểm) ý c (Sóng biển, cửa biển, xóm lưới, làng biển, lưới.)

Câu 4: (0,5 điểm) ý b (**Vòi** vọi.)

Câu 5: (0,5 điểm) ý b (Chỉ có vằn và thanh.)

Câu 6: (0,5 điểm) ý a (Oa oa, da dẻ, **vòi** vọi, **nghiêng nghiêng**, chen **chúc**, phát phơ, **trùi** trùi, **tròn** trịa.)

Câu 7: (0,5 điểm) ý c (Thần **tiên**.)

Câu 8: (0,5 điểm) Ba từ đó là: (chị) Sứ, **Hòn** Đất, Ba Thê.

II . Bài Kiểm tra viết (5 điểm):

1 . **Chính** tả (2 điểm):

- Bài viết không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng, trình bày sạch, đẹp, đúng đoạn văn được 2 điểm.

- Sai 4 lỗi trừ 0,25 điểm.

- Chữ viết không rõ ràng, sai độ cao, khoảng cách, kiểu chữ và bài không sạch sẽ: trừ 0,25 điểm.

2 . **Tập làm văn** (3 điểm)::

a) **Nội dung:**

Học sinh viết **được** một bức thư ngắn nói về ước mơ của mình có đủ 3 phần:

- Phần đầu thư (0,5 điểm): Ghi địa điểm, thời gian, lời chào hỏi với người nhận thư

- Phần **chính** (0,75 điểm):

+ Nêu lý do, mục đích viết thư.

+ Thăm hỏi tình hình của người nhận thư.

+ Thông báo tình hình của người viết thư.

+ Nói về ước mơ mình, bày tỏ tình cảm với người nhận thư.

- Phần cuối thư (0,5 điểm): Ghi lời chúc, hứa hẹn của người viết, chữ ký, họ

và tên của người viết thư.

b) Diễn đạt: Viết câu đúng ngữ pháp, dùng từ chính xác, diễn đạt trôi chảy, không mắc lỗi chính tả, chữ viết rõ ràng sạch sẽ. (0,25 điểm)

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2016- 2017

Môn: Toán - Lớp 4

(Thời gian làm bài 40 phút)

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm)

Từ bài 1, bài 2 chép lại ý trả lời đúng trong các đáp án đã cho.

Bài 1. (1 điểm): Giá trị của chữ số 5 trong số 4 503 867 là:

- A. 5000 B. 50000 C. 500000

Bài 2. (1 điểm): Bác Hồ sinh năm 1890, năm đó thuộc thế kỷ :

- A. XVIII B. XIX C. XX

Từ bài 3 đến bài 5 viết kết quả đúng vào chỗ chấm.

Bài 3(2 điểm):

a. 8 592 532 đọc là:

b. Viết các số 5 437 052 : 2 674 399 : 7 186 500 : 5 375 302 theo thứ tự từ bé đến lớn là:

Bài 4. (1 điểm):

a. $x + 262 = 4848$; giá trị của x là :

b. $x - 707 = 3535$; giá trị của x là :

Bài 5 (2 điểm): Mỗi ý đúng 0,5 điểm

Viết số thích hợp vào chỗ chấm

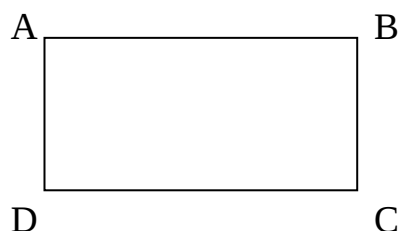
a. 20 yến = b. 300 kg x 3 =

5 tạ 60 kg = 5 kg 400 g =

II. Phần tự luận (3 điểm)

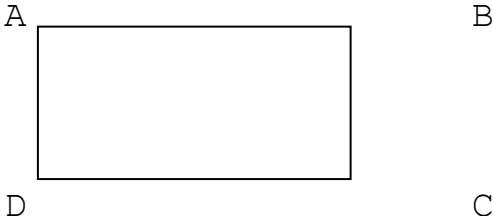
Viết đầy đủ bài giải cho các bài toán dưới đây:

Bài 4(1 điểm): Cho hình chữ nhật ABCD. Viết các cặp cạnh song song với nhau có trong hình chữ nhật.



Bài 5(2 điểm): Một cửa hàng có 360 m vải, trong đó số mét vải hoa ít hơn số mét vải trắng là 40m. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu mét vải hoa bao nhiêu mét vải trắng?

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2016- 2017
Môn: Toán - Lớp 4

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm)	
ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
Bài 1:(1 điểm) C. 500000	1 điểm
Bài 2: (1 điểm) B. XIX	1 điểm
Bài 3: (2 điểm) a. 8 592 532 đọc là: Tám triệu năm trăm chín mươi hai nghìn năm trăm ba mươi hai.	1 điểm
b. Các số viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: 2 674 399; 5 375 300 5 437 052; 7 186 500	1 điểm
Bài 4: (2 điểm) a. $x + 262 = 4848$; giá trị của x là : 4586	1 điểm
b. $x - 707 = 3535$; giá trị của x là : 4242	1 điểm
Bài 5 : (2 điểm) a. 20 yến = 2 tạ 5 tạ 60 kg = 560 kg	0,5 điểm 0,5 điểm
b. 2 ngày = 48 giờ 1 giờ 20 phút = 80 phút	0,5 điểm 0,5 điểm
Bài 6 (1 điểm): Cho hình chữ nhật ABCD. Viết các cặp cạnh song song với nhau có trong hình chữ nhật.	
	
ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
Các cặp cạnh song song đó là: AB và CD ;	0,5 điểm
AD và BC	0,5 điểm

Bài 7 (2 điểm): Một cửa hàng có 360 m vải, trong đó số mét vải hoa ít hơn số mét vải trắng là 40m. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu mét vải hoa bao nhiêu mét vải trắng?	
Bài giải Cửa hàng có số mét vải hoa là:	0,25 điểm
$(360 - 40) : 2 = 160 \text{ (m)}$	0,5 điểm
Cửa hàng có số mét trắng là:	0,25 điểm
$160 + 40 = 200 \text{ (m)}$	0,5 điểm
Đáp số: Vải hoa: 160m Vải trắng: 200m	0,5 điểm

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2016- 2017

Môn: Toán - Lớp 5

(Thời gian làm bài 40 phút)

I. Phần trắc nghiệm (7 điểm)

Từ bài 1, bài 2 chép lại ý trả lời đúng trong các đáp án đã cho.

Bài 1 (1 điểm) Hỗn số $5\frac{2}{4}$ được viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{10}{4}$ B. $\frac{2}{20}$ C. $\frac{22}{4}$

Bài 2 (1 điểm) Giá trị của chữ số 6 trong số 53,065 là:

- A. 0,6 B. 0,06 C. 60

Từ bài 3 đến bài 5 viết kết quả đúng vào chỗ chấm.

Bài 3 (2 điểm):

a. Số 512,365 đọc là:

Số 2,01 đọc là:

b. Số gồm có 25 đơn vị, 5 phần mười và 8 phần trăm, viết là:

Số gồm có 203 đơn vị, 7 phần trăm và 2 phần nghìn, viết là:

Bài 4 (1 điểm): Các số 42,538; 41,835; 42,358; 41,538 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là:.....

Bài 5 (2 điểm):

8m 6dm = ... m

35 m² 3dm² = ...m²

4 tấn 562 kg = ...tấn

700 kg = ...tấn

II. Phần tự luận (3 điểm)

Viết đầy đủ bài giải cho các bài toán dưới đây:

Bài 6. (1 điểm):

a. $\frac{5}{8} + \frac{6}{7}$

b. $\frac{40}{7} \times \frac{14}{5}$

Bài 7(2 điểm): Mua 12 hộp đồ dùng học toán hết 180 000 đồng. Hỏi mua 36 hộp đồ dùng học toán như thế hết bao nhiêu tiền?

HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
BÀI KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2016- 2017
Môn: Toán - Lớp 5

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm)	
ĐÁP ÁN	BIỂU ĐIỂM
Bài 1: C. $\frac{22}{4}$	1 điểm
Bài 2: B. 0,06	1 điểm
Bài 3:	
a. Số 512,365 đọc là: Năm trăm mười hai phẩy ba trăm sáu mươi lăm;	0,5 điểm
Số 2,01 đọc là: Hai phẩy không một.	0,5 điểm
b. Số gồm có 25 đơn vị, 5 phần mười và 8 phần trăm, viết là: 25,58	0,5 điểm
Số gồm có 203 đơn vị, 7 phần trăm và 2 phần nghìn, viết là: 203,072	0,5 điểm
Bài 4: Các số 42,538; 41,835; 42,358; 41,538 viết theo thứ tự từ bé đến lớn là: 41,538 ; 41,835; 42,358; 42,538;	1 điểm
Bài 5:	
8m 6dm = 8,6 m	0,5 điểm
4 tấn 562 kg = 4,562 tấn	0,5 điểm
35 m ² 3dm ² = 35,03 m ²	0,5 điểm
700 kg = 0,7 tấn	0,5 điểm
II. Tự luận (3 điểm)	
Bài 6. (1 điểm):	
a. $\frac{5}{8} + \frac{6}{7} = \frac{35}{56} + \frac{48}{56} = \frac{83}{56}$	0,5 điểm
b. $\frac{10}{7} \times \frac{14}{5} = \frac{140}{35} = \frac{20}{5} = 4$	0,5 điểm
Bài 6. (2 điểm):	
Mua 12 hộp đồ dùng học toán hết 180 000 đồng. Hỏi mua 36 hộp đồ dùng học	